

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn

2. Ông Nguyễn Sỹ Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Q trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Lê Văn H kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Lê Trần Băng N, sinh ngày 26/5/2019. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Lê Văn H: Sau khi kết hôn cả hai chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn là do tính tình cả hai không hợp, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn, cuộc hôn nhân không thể hàn gắn được, cả hai đã sống ly thân. Từ thời gian đó đến nay cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống

của nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về tình cảm xin ly hôn với anh Lê Văn H; về con chung: chị đồng ý giao cháu Lê Trần Băng N cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày bị đơn anh Lê Văn H trong quá trình giải quyết vụ án thì: Anh H thống nhất với lời khai của chị Q về quan hệ hôn nhân và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian gần đây có người thứ ba xen vào cuộc sống gia đình, ngoài ra không có mâu thuẫn gì lớn. Mặc dù vậy anh H vẫn không muốn ly hôn vì anh là người có đạo Công giáo nhưng nếu chị Q cương quyết ly hôn thì anh đồng ý, anh xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Trần Băng N cho đến đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đák Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Băng N, sinh ngày 26/5/2019 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Văn H, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Lê Văn H kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do có người thứ ba xen vào cuộc sống hôn nhân, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng cuộc sống gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân. Thời gian qua cả hai không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Anh Lê Văn H đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q, xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Q đồng ý giao cháu Lê Trần Băng N, sinh ngày 26/5/2019 cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Đây cũng là nguyện vọng của anh H, hiện anh H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Băng N, do đó HĐXX chấp nhận giao cháu Băng N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc Ly hôn.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Quỳnh .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Băng N, sinh ngày 26/5/2019 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí DSST: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006077 ngày 18/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk N'Drot;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung

